

## NGHIÊN CỨU KHOA HỌC - YÊU CẦU BẮT BUỘC ĐỐI VỚI ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

DOING RESEARCH AS A COMPULSORY REQUIREMENT FOR  
UNIVERSITY LECTURERS

*Lê Hữu Ái, Lâm Bá Hoà*

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng*

### TÓM TẮT

Nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên là tiêu chí để đánh giá chất lượng đào tạo đại học, nhất là trong bối cảnh hiện nay. Bài báo phân tích thực trạng công tác nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp để nhằm nâng cao được chất lượng đào tạo đại học. Với mục tiêu xây dựng *Đại học nghiên cứu* hiện nay, theo chúng tôi cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp: Phát huy mạnh mẽ vai trò của đội ngũ cán bộ khoa học; tôn vinh cán bộ khoa học bằng cả vật chất và tinh thần; đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học; tạo dựng đội ngũ cán bộ khoa học đông đảo về số lượng nhưng phải gắn liền với chất lượng. Chỉ có như vậy mới có thể tạo ra được nguồn nhân lực có chất lượng, đủ sức cạnh tranh trong thời đại mà quá trình phân công lao động đang diễn ra ngày càng sâu sắc dưới tác động của toàn cầu hoá.

### ABSTRACT

University lecturers' research is a criterion for higher education quality assessment, especially in the current context. This paper deals with the current status of doing research among lecturers in Vietnamese universities, analyses its reasons and puts forward measures to enhance higher education quality. With the goal of becoming a research university, a number of measures have to be synchronously taken into account including bringing into full play the role of research staff, paying honor to them by offering them both material and spiritual rewards, strengthening international integration in the scientific aspect, and developing a research staff in terms of both quantity and quality. Only by doing so, can we develop a competitive and high-quality manpower to take part in the on-going process of labour distribution under the impact of globalization.

### 1. Đặt vấn đề

Thập niên đầu của thế kỷ XXI đang dần khép lại, nhân loại đã tiến được những bước dài và đã đạt được những thành tựu kỳ diệu trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Cách mạng khoa học và công nghệ tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống, thế giới bước vào kỷ nguyên thông tin mà người ta gọi là *thế giới phẳng*. Quan niệm trường đại học là nơi người học tiếp thu tri thức và sử dụng nó cho nghề nghiệp của mình cần phải thay đổi. Đứng trước yêu cầu cấp thiết của việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học được xem là vấn đề trọng tâm hàng đầu, sau đó là những vấn đề đổi mới về nội dung, chương trình, công tác quản lý, kiểm định và đánh giá. Về lĩnh vực này, đã có nhiều ý kiến khác

nhau, song, theo chúng tôi, ở môi trường đại học, trước hết, phải thực hiện chính sách gắn nghiên cứu khoa học với giảng dạy, phải xem là tiêu chuẩn, là yêu cầu bắt buộc đối với đội ngũ giảng viên.

Người thầy ở bậc đại học đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ: truyền đạt tri thức và nghiên cứu khoa học. Hai nhiệm vụ này có quan hệ tương hỗ lẫn nhau và nếu chỉ thực hiện được một trong hai yêu cầu nói trên thì xem như chưa hoàn thành chức năng của mình. Trong bối cảnh hiện nay, để khoa học đáp ứng được yêu cầu cho nền sản xuất hiện đại, các tri thức khoa học phải trở thành tài sản của đông đảo đội ngũ những những người làm khoa học, trong đó đội ngũ giảng viên ở các trường đại học và cao đẳng, các viện nghiên cứu phải là lực lượng nòng cốt. Nhưng trên thực tế, giáo dục đại học hiện nay ở nước ta đang thể hiện sự bất cập giữa nghiên cứu và giảng dạy trong đội ngũ giảng viên. Chính điều này là rào cản cho hội nhập trong lĩnh vực khoa học và nếu không có quyết sách đúng đắn thì sẽ khó có thể đạt được mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

## **2. Thực trạng công tác nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên ở các trường đại học ở Việt Nam hiện nay – nguyên nhân và các giải pháp**

2.1. Trong những năm gần đây, trước xu thế mở cửa và hội nhập sâu rộng của đời sống kinh tế - xã hội, giáo dục đại học Việt Nam cũng đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ, nhiều trường đại học đã đưa ra các tầm nhìn *ngắn, trung và dài hạn* với mục tiêu xây dựng *Đại học nghiên cứu*. Điều này là yêu cầu bức thiết của toàn bộ hệ thống giáo dục ở nước ta nói chung, giáo dục đại học nói riêng. Muốn thực hiện được mục tiêu trở thành *Đại học nghiên cứu*, đòi hỏi các đơn vị đào tạo phải có một đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đủ về số lượng và chất lượng.

Trong những năm qua, các trường đại học ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu và bước đầu đáp ứng được yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn chứa đựng nhiều bất ổn về chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo, tạo nên những dư luận không tốt, nhất là thời gian gần đây hiện tượng mở rộng quá nhanh qui mô đào tạo ở bậc đại học, nhưng chưa đảm bảo được chất lượng, hiệu quả. Trong một lần trao đổi với bạn đọc trên Tạp chí “Tia sáng” (20.07.2000), tác giả Nguyễn Văn Tuấn đã đưa ra những con số thật đáng lo lắng về thực trạng phát triển khoa học ở Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực: “Khoảng giữa những năm 1998, trên tạp san “Science”, một tạp san khoa học thuộc vào hàng đầu thế giới, có một loạt bài bình luận và đánh giá về phát triển khoa học ở các nước Đông Nam Á. Trong loạt bài đó, họ không dành một chữ nào cho Việt Nam. Nhưng họ dành khá nhiều trang cho nhiều nước trong vùng Đông Nam Á như Thái Lan, Malaysia và Indônêxia, bởi sự có mặt trên trường quốc tế của chúng ta còn quá khiêm tốn...”. Tác giả đưa ra những con số so sánh cụ thể như, trong lĩnh vực y-sinh học, số lượng bài báo được đăng trên các tạp san quốc tế của Việt Nam trong khoảng 30 năm chỉ dừng lại ở con số 300, trong khi đó Thái Lan là 5210 bài, Malaysia là 2088, Singapore là 6932 bài. Từ những con số đáng phải giật mình trên chúng ta rất dễ nhận thấy rằng, khoa học và công nghệ ở Việt Nam nói chung, nghiên cứu khoa

học trong các trường đại học nói riêng đang có “độ chênh” đáng kể về chất lượng so với nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia giáo dục thì “độ chênh về chất lượng” đang có xu hướng rộng ra và thiên về phần bất lợi cho Việt Nam. Thực tế cho thấy, tỷ lệ nhân lực nghiên cứu khoa học trên 100 dân của nước ta thấp hơn nhiều so với một số nước tiên tiến (Việt Nam là 0,18 (1,0); Hàn Quốc là 2,19 (gấp 12,2 lần) Cộng hoà Liên bang Đức (gấp 15,7 lần). Bên cạnh đó chất lượng cán bộ đội ngũ khoa học và hiệu quả nghiên cứu khoa học của chúng ta còn thấp, có một khoảng cách khá xa so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Theo Tạp chí *Proceeding of Electronic Devices*, năm 1995, trong gần 1000 tác giả có công trình nghiên cứu khoa học, 60% thuộc nhóm Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, không có một tác giả Việt Nam nào (chỉ có một tác giả người nước ngoài gốc Việt).

Như chúng ta đã biết, cộng đồng khoa học thế giới đánh giá tiềm năng của một nền khoa học và công nghệ chủ yếu dựa vào số công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế cũng như số bằng phát minh sáng chế đã được các cơ quan bảo hộ phát minh sáng chế quốc tế cấp. Theo nguồn từ Báo *Sài Gòn giải phóng* (23.10.2004), từ năm 1998 đến năm 2002, thế giới đã công bố khoảng 3,5 triệu công trình khoa học và công nghệ, trong đó đóng góp của các nhà khoa học Châu Âu là khoảng 37%, của Hoa Kỳ là 34% và của nhóm các nước công nghiệp phát triển tại châu Á – Thái Bình Dương là 22%. Trong khi đó, các quốc gia còn lại của thế giới, chiếm khoảng 70-80% dân số của thế giới chủ yếu là các nước nghèo và đang phát triển ở Châu Á và Châu Phi chỉ đóng góp khoảng 7% số lượng các công trình khoa học và công nghệ. Riêng đối với Việt Nam, với dân số trên 80 triệu người, nhưng trong giai đoạn từ 1998 đến 2002 chúng ta chỉ có 250 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín, chiếm 0,75 phần vạn tổng số công trình khoa học của thế giới đã được công bố. Từ những số liệu nêu trên, chúng ta thấy rằng nó thật quá ít ỏi so với tiềm năng tri thức của nước ta, và càng không thể chấp nhận được khi con số các nhà khoa học của cả nước có khoảng 14 nghìn tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, 1.131 giáo sư, 5253 phó giáo sư, cộng với khoảng hơn 16 nghìn cán bộ khoa học có trình độ thạc sĩ (Nguồn từ Báo *Sài Gòn giải phóng*, ngày 23.10.2004). Đội ngũ cán bộ khoa học này có mặt ở tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội ở nước ta hiện nay và đứng đầu trong khối ASEAN. Nhìn vào số lượng, chúng ta thấy đây là một tín hiệu đáng mừng của đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao ở nước ta hiện nay. Nhưng khi nhìn vào chất lượng thì chúng ta khó mà xác định được có bao nhiêu người trong tổng số cán bộ khoa học nêu trên đang thực sự tham gia nghiên cứu khoa học kể cả một bộ phận không nhỏ giảng viên ở các trường đại học, cao đẳng.

Với lực lượng các nhà khoa học đang trực tiếp làm việc ở các trường đại học và cao đẳng như Báo *Sài Gòn giải phóng* (ngày 23.10.2004) đã nêu lên, (trong năm học 2000-2001, tổng số cán bộ giảng dạy ở đại học và cao đẳng là 24.362, trong đó giáo sư và phó giáo sư là 1441, tiến sĩ là 4454, thạc sĩ 6596, đại học 12.422. Đến năm học 2003-2004, con số các nhà khoa học có học hàm, học vị đang trực tiếp tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở bậc học này đã tăng lên đáng kể. Cụ thể như, số giáo sư là 324 (trên tổng số 1.131 GS của cả nước) và phó giáo sư là 1.330 (trên tổng số 5253 PGS của

cả nước), con số này tính đến năm học 2008-2009 là, số giảng viên có chức danh PGS là 1.966 (trong tổng số gần 6000 phó giáo sư). Đối với đội ngũ có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ cũng chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn, cụ thể, số giảng viên có trình độ tiến sĩ là 6.217, đạt tỷ lệ 10,16%, số giảng viên có trình độ thạc sĩ là 22.831, đạt tỷ lệ 37,31% (Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Số: 760 /BC-BGDĐT, ngày 29/10/2009). Trong khi đó, những số liệu về các công trình khoa học như đã nêu ở trên cũng làm cho chúng ta những người trong cuộc đáng phải suy nghĩ. Vẫn biết rằng, số lượng các nhà khoa học có học hàm, học vị đang trực tiếp làm việc ở các trường đại học cao đẳng chỉ chiếm khoảng gần 30% (trong đó giáo sư và phó giáo sư là 25 – 30%, tiến sĩ và tiến sĩ khoa học là gần 30%).

Những con số nêu trên không hoàn toàn là căn cứ duy nhất để chúng ta khẳng định về sự yếu kém trong công tác nghiên cứu khoa học của đội ngũ các nhà khoa học ở bậc giáo dục đại học, nhưng nó phần nào phản ánh về sự bất cập giữa việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở bậc học này. Trong giai đoạn hiện nay, tri thức và công nghệ đã trở thành yếu tố quyết định hàng đầu của sản xuất, quan trọng hơn cả vốn, tài nguyên và sức lao động. Vì vậy, để không ngừng nâng cao được chất lượng đào tạo đại học, liên tục đổi mới phương pháp giảng dạy và góp phần xây dựng cơ sở đào tạo trở thành *Đại học nghiên cứu* thì không còn cách nào khác hơn là người giảng viên phải gắn chặt công tác nghiên cứu với việc giảng dạy. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể tạo ra được nguồn nhân lực có chất lượng và đủ sức cạnh tranh trong thời đại mà quá trình phân công lao động đang diễn ra ngày càng sâu sắc dưới tác động của toàn cầu hoá kinh tế. Không chỉ vậy, chỉ có gắn việc nghiên cứu khoa học với giảng dạy người thầy mới tự nâng cao được trình độ chuyên môn của mình và không ngừng bổ sung những tri thức mới.

Khi nhìn vào thành tích khoa học và công nghệ của nước nhà, chúng ta không thể xem nhẹ những con số nêu trên, vì đó là sự biểu hiện tụt hậu về trình độ của đội ngũ cán bộ khoa học Việt Nam nói chung, cán bộ khoa học trong các trường đại học cao đẳng nói riêng. Trong thời đại mà tri thức nhanh chóng bị lạc hậu và tất yếu sẽ kéo theo nhiều hậu quả khác. Chẳng hạn, Hoa Kỳ là nơi sản xuất ra khoảng 30 – 40% tổng sản phẩm xã hội của toàn thế giới, tương đương với các công trình khoa học do các nhà bác học Mỹ công bố (trong tổng số giải Nobel được trao từ năm 1901 đến 2009, đã có 816 người và 20 tổ chức được trao, trong đó các nhà khoa học Mỹ đã chiếm tới 38% (309 người)). Điều này đã khẳng định với chúng ta rằng, ở đâu có nền kinh tế phồn thịnh thì ở đó cũng là nơi có nền khoa học và công nghệ phát triển và ngược lại. Chính trên cơ sở về mối tương quan này, chúng ta có thể hình dung bức tranh phát triển của khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay là khá mờ nhạt. Trong tình hình thế giới và khu vực như hiện nay, nếu chúng ta không bình tĩnh, mạnh dạn, quyết tâm điều chỉnh thậm trí phải tiến hành cải cách một cách quyết liệt hệ thống giáo dục, cải tổ lại hệ thống quản lý và nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ theo hướng ngày càng tiếp cận với trình độ tiên tiến của thế giới để tránh sự tụt hậu ngày càng xa, điều đó không chỉ còn là nguy cơ mà sẽ trở thành hiện thực. Với định hướng “giáo dục và khoa học là quốc sách hàng đầu”, nhưng thực tế thì đội ngũ cán bộ khoa học nói chung, lực lượng giảng viên tại các trường đại học và cao đẳng nói riêng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng và chất lượng.

2.2. Sự yếu kém của đội ngũ cán bộ khoa học nêu trên, theo chúng tôi có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan:

*Thứ nhất*, đó là sự mất cân đối trong cơ cấu ngành đào tạo và phân bố của đội ngũ các nhà khoa học giữa các khu vực. Về cơ cấu ngành đào tạo, giáo dục chiếm 34,6%; thứ hai là ngành kinh doanh và quản lý (chiếm 19,3%); thứ ba là ngành kỹ thuật 8,1%; nông – lâm – ngư (chiếm 4,4%, đứng thứ 7); ngành chế tạo, chế biến (chiếm 0,53%, đứng thứ 17) trong tổng số cán bộ khoa học và công nghệ (Nguồn: Báo *Lao động*, ngày 24.10.2004). Đây là một con số mất cân đối giữa các ngành nghề trong cơ cấu cán bộ khoa học và công nghệ. Về sự phân bố, hiện nay, trong số 25 – 30% giáo sư và phó giáo sư trên tổng số đang trực tiếp giảng dạy tại các trường đại học và cao đẳng, thì tập trung chủ yếu vẫn ở một số trường đại học lớn ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế cho thấy, trong tổng số 376 trường đại học và cao đẳng công lập và ngoài công lập (tính đến tháng 9/2009) của cả nước, có rất nhiều trường đại học chưa có giáo sư, thậm chí là phó giáo sư cơ hữu, trong khi có Khoa ở một trường đại học ở Hà Nội có tới hơn 10 giáo sư. Đối với tiến sĩ và tiến sĩ khoa học sự tập trung ở hai vùng Đồng bằng sông Hồng (chủ yếu vẫn là Hà Nội) và Đông Nam Bộ (chủ yếu vẫn là Thành phố Hồ Chí Minh) gần như là tuyệt đối (khoảng 88,7%), trong đó Đồng bằng sông Hồng là 68,1% và Đông Nam Bộ là 20,6%. Chính sự mất cân đối này đã gây nên sự chênh lệch về trình độ đào tạo, sự cục bộ địa phương làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác nghiên cứu khoa học giữa các trường đại học và đội ngũ các bộ khoa học trong cả nước.

*Thứ hai, tình trạng lão hoá đội ngũ giáo viên* cũng là vấn đề rất đáng quan tâm, bởi điều này nó sẽ gây nên sự hẫng hụt về đội ngũ kế cận. Trong số cán bộ khoa học đang làm việc ở các trường đại học, cao đẳng, có tới 75% đã quá tuổi 50. Cụ thể như, ở độ tuổi dưới 50 giáo sư chiếm tỷ lệ khoảng 4%; phó giáo sư là 18%, số còn lại chủ yếu đều trên 50 tuổi và xấp xỉ 60. Đối với trình độ tiến sĩ và tiến sĩ khoa học trong cơ cấu độ tuổi mà Tổng cục Thống kê đưa ra năm 2002, nó giúp chúng ta cũng thấy rõ được sự lão hoá của đội ngũ cán bộ cán bộ khoa học có trình độ cao này.

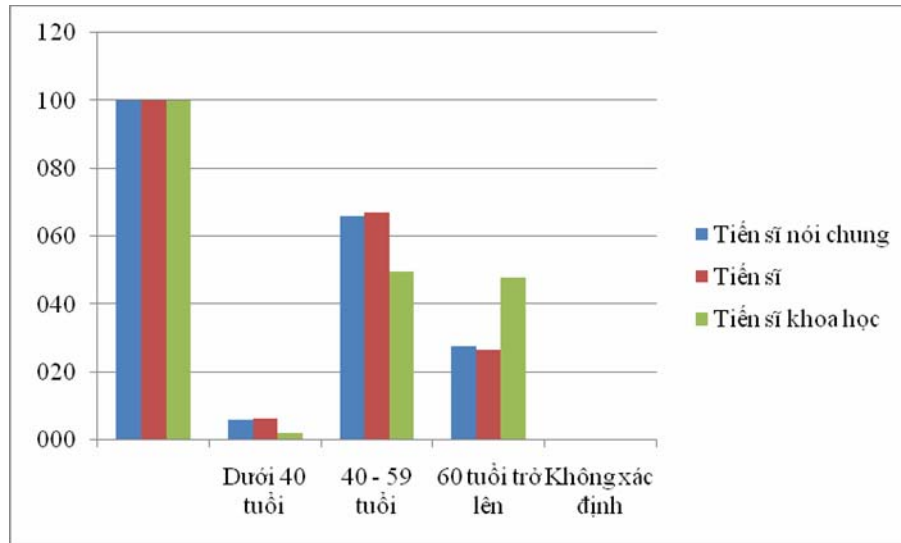
Bảng cơ cấu theo nhóm tuổi  
của tiến sĩ nói chung, tiến và tiến sĩ khoa học

*Đơn vị tính %*

Tổng số	Tiến sĩ nói chung	Tiến sĩ	Tiến sĩ khoa học
	100,00	100,00	100,00
Dưới 40 tuổi	6,15	6,35	2,17
40 - 59 tuổi	66,18	66,96	49,64
60 tuổi trở lên	27,66	26,68	47,95
Không xác định	0,02	0,01	0,24

*Nguồn:* Tổng cục Thống kê năm 2002

Biểu đồ cơ cấu theo nhóm tuổi  
của tiến sĩ nói chung, tiến sĩ và tiến sĩ khoa học



Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2002

*Thứ ba, cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác nghiên cứu khoa học ở các trường đại học và cao đẳng chưa hợp lý, đặc biệt là chính sách đãi ngộ và hành lang pháp lý đối với các phát minh, sáng chế, sáng kiến kỹ thuật, các ứng dụng khoa học,... chưa minh bạch, rõ ràng nên khó thu hút được đông đảo đội ngũ các nhà khoa học ở bậc giáo dục đại học tham gia. Bên cạnh đó, sự đãi ngộ, chính sách tiền lương, môi trường làm việc của các tổ chức kinh tế - xã hội ngoài trường học đã gây nên tình trạng “chảy máu chất xám” ở nhiều trường đại học, cao đẳng hiện nay. Điều này không chỉ làm mỏng đi lực lượng cán bộ khoa học tại các cơ sở giáo dục mà còn làm cho không ít giảng viên dao động, không tâm tâm với nghiên cứu khoa học.*

2.3. Nhằm phát huy những năng lực tiềm tàng của đội ngũ cán bộ khoa học hiện nay, thiết nghĩ Nhà nước cần có một chiến lược tổng thể nhằm tạo xung động lực nội tại, kích thích họ làm việc, có chế độ khuyến khích, tôn vinh thoả đáng vì nhiệm vụ chung và trách nhiệm của các nhà khoa học trước cộng đồng. Theo chúng tôi, cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

*Một là, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò của đội ngũ cán bộ khoa học, nhất là đội ngũ khoa học ở các trường đại học, cao đẳng, viện và trung tâm nghiên cứu, Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển đội cán bộ làm khoa học thức nhằm đáp ứng yêu cầu về mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Các quan điểm lớn về giáo dục, khoa học và công nghệ đã phát huy được tác dụng to lớn, vì thế, đội ngũ cán bộ khoa học nước ta đã có những bước tiến vượt bậc. Do vậy, việc xây dựng được chiến lược phát triển đúng đắn là yếu tố quan trọng có tính chất quyết định để phát huy vai trò của họ.*

*- Hai là, tôn vinh những người làm khoa học bằng cả vật chất và tinh thần. Để tạo bước đột phá cần áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp về chính sách, cơ chế đánh giá, sử*

dụng và đãi ngộ. Công việc đầu tiên là phải đổi mới toàn diện chính sách giáo dục đào tạo, nhất là đào tạo trình độ bậc cao. Nghị quyết 14/2005/NQCP, ngày 02/11/2005 về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020, quy hoạch lại hệ thống các trường đại học, đa dạng về loại hình và ngành nghề, phương thức đào tạo, đẩy mạnh đầu tư cho giáo dục, xã hội hoá giáo dục, mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, gửi sinh viên, cán bộ nghiên cứu đi đào tạo bằng nhiều nguồn vốn khác nhau tất cả các ngành nghề ở các quốc gia, vùng lãnh thổ có trình độ tiên tiến, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ khoa học hiện có, chẳng hạn như chính sách của trường Đại học Waseda (Tokyo) Nhật Bản, quy định cho phép giáo sư giảng dạy trên 5 năm, được quyền nghỉ 1 năm, với đầy đủ chế độ lương để ra nước ngoài, nơi mà do chính nhà khoa học lựa chọn, chế độ này không quá hai lần cho suốt quá trình làm việc của giáo sư và ưu tiên cho những người có thâm niên công tác.

Vấn đề sử dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học. Tuy trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta ban hành nhiều văn bản pháp quy quy định chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ khoa học, tạo hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi cho hoạt động đặc thù của đội ngũ này. Nhưng trên thực tế các chính sách đó chưa thực sự được xã hội hoá. Quan điểm của Nhà nước là luôn khuyến khích các sáng kiến, sáng chế, phát minh trong khoa học, sáng tạo trong nghệ thuật, trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh những trí thức có cống hiến quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, bảo đảm kết hợp hài hoà cả hai lợi ích: lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần. Theo chúng tôi, chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp, nhà ở, các điều kiện vật chất cho trí thức làm việc là quan trọng, nhưng không phải quyết định. Là những nhà khoa học đích thực, chân chính, thì môi trường cho họ làm việc, sáng tạo, cống hiến, và xã hội thừa nhận, chia sẻ các giá trị tinh thần mà họ sáng tạo còn cao hơn nhiều. Chúng tôi nghĩ rằng, hơn ai hết, nhà khoa học và nghệ sỹ theo đúng nghĩa, họ là những người lao động thực sự say mê, thậm chí quên cả bản thân mình, trong trường hợp đó, sự chi li toan tính để tính giá trị vật chất cho công việc họ đang làm, tiền thưởng, phụ cấp cho họ quả là không phù hợp. Ở điều 35 Luật Khoa học và Công nghệ có ghi: “Nhà nước trọng dụng nhân tài, tạo mọi điều kiện thuận lợi để họ sáng tạo và cống hiến, có chính sách và biện pháp để thu hút nhân tài vào việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên trọng điểm của Nhà nước có chế độ đãi ngộ tương xứng với cống hiến và có chế độ ưu tiên đặc biệt đối với cá nhân có công trình khoa học và công nghệ đặc biệt xuất sắc, có cống hiến lớn đối với đất nước. Nhà nước có chính sách thoả đáng về lương, về điều kiện làm việc, chỗ ở đối với cá nhân hoạt động khoa học công nghệ”.

*Ba là*, hiện nay, toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ. Trong quá trình phát triển, không có một quốc gia nào tách biệt với thế giới bên ngoài. Hội nhập kinh tế, giao lưu về văn hoá, khoa học tạo ra nhiều cơ hội để tiếp nhận những tinh hoa khoa học và văn hoá của nhân loại, nhằm rút ngắn khoảng cách trong lĩnh vực này với các nước trong khu vực và trên thế giới. Kiêu bào là lực lượng quan trọng, nhiều người trong số họ có trình độ khoa học và công nghệ cao. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần phải có *chính sách và biện pháp cụ thể nhằm thu hút, tập hợp trí thức Việt kiều* và các tổ chức khoa học

quốc tế nhằm phát triển khoa học nước nhà. Tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt để trí thức Việt kiều về nước, tạo cho họ cơ hội tốt nhất cống hiến về tài năng khoa học và công nghệ, không thành kiến, hạn chế về thủ tục pháp lý, tuy nhiên phải đúng nguyên tắc và pháp luật.

*Bốn là*, để tạo dựng được một đội ngũ cán bộ khoa học mạnh mẽ, chất lượng, đông đảo về số lượng thì *phải tổ chức đào tạo, bồi dưỡng một cách bài bản*, không thể có chuyện được chăng hay chớ, theo kiểu phong trào mà phải có chiến lược giáo dục và đào tạo tối ưu, hiện đại, từ cơ cấu bậc học, cấp học, chương trình, nội dung, phương pháp cho tất cả các loại hình đào tạo. Giáo dục, nhất là giáo dục đại học phải gắn với yêu cầu thực tế của cuộc sống, với nhu cầu người học, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho giáo dục. Xây dựng các trường đại học hiện đại, tiên tiến, tiến tới hình thành được thương hiệu. Phát hiện đào tạo trí thức trẻ, khuyến khích đầu tư trong giáo dục đào tạo. Thực hiện chế độ kiểm định chất lượng giáo dục để ngăn chặn những cơ sở đào tạo không đạt yêu cầu chất lượng. Ngành giáo dục và đào tạo cần phải có các biện pháp hợp lý, đủ mạnh để chấn chỉnh ngay hiện tượng quay cóp, sao chép của tất cả các cấp học hiện nay. Trước cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thông kê khiến những ai có quan tâm đến “quốc sách hàng đầu” phải ngỡ ngàng: 8% học sinh tiểu học, 53% học sinh trung học cơ sở và 60% học sinh trung học phổ thông quay cóp trong thi cử, cùng với 22%, 50% và 64% tương ứng với ba cấp học này là thường xuyên nói dối (Báo Thanh Niên ngày 30/10/2008), Ở bậc giáo dục Đại học và Sau đại học, chúng ta dễ nhận thấy sự yếu kém trong việc liên kết giữa nghiên cứu khoa học với các cơ sở sản xuất kinh doanh. Hiện nay, thanh niên, sinh viên ở nước ta còn trong tình trạng tụt hậu rất xa so với thanh niên các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, .... Theo Báo Tuổi trẻ, ngày 02 tháng 10 năm 2003, chỉ tiêu đánh giá về trí tuệ, trình độ ngoại ngữ, khả năng thích ứng với điều tiếp nhận khoa học và công nghệ của thanh niên Việt Nam, đánh giá theo thang điểm 10 của khu vực khiến chúng ta phải giật mình: Trí tuệ 2,3/10; ngoại ngữ 2,5/10; khả năng thích ứng 2/10. Đây là chỉ số đáng buồn. Theo Ngân hàng thế giới, chỉ số chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam rất thấp, đạt 3,79/10, đứng thứ 11/12 quốc gia và vùng lãnh thổ được xếp hạng ở châu Á. Chính từ sự bất cập nêu trên của hệ thống giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng, đã làm cho chất lượng giáo dục đại học thấp, hiệu quả sử dụng và năng lực cạnh tranh của nguồn lực không cao. Tình trạng bằng cấp “hữu danh vô thực” hiện nay là khá phổ biến, có bằng đại học mà không có trình độ tương thích là không hiếm, có bằng tiến sĩ song chỉ để trang điểm, sắp xếp cán bộ mà hầu như không thực hiện chức năng lao động chất xám ở bậc cao như Luật Giáo dục quy định không phải ít gặp... Rõ ràng, nhiệm vụ đặt ra cho các nhà quản lý giáo dục không phải là nhỏ, nhất là trước sức ép xã hội là nói không với bệnh thành tích, với tiêu cực trong giáo dục, đào tạo phải đạt chuẩn và gắn với nhu cầu xã hội. Ngành Giáo dục & Đào tạo cần phải có chế tài, biện pháp đủ mạnh khắc phục ngay những lệch lạc, yếu kém trong giáo dục, bởi vì đó chính là lực cản lớn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.



### 3. Kết luận

Từ thực tế của cuộc sống, trong xu hướng hội nhập giáo dục và đào tạo, hơn lúc nào hết nước ta cần nhanh chóng phát triển đội ngũ cán bộ khoa học đông về số lượng, mạnh về chất lượng, hợp lý về cơ cấu theo hướng ưu tiên phát triển các ngành khoa học hiện đại, những ngành mũi, công nghệ cao nhằm đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và đặc điểm của Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Tuyên giáo Trung ương, *Tài liệu các Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng*, Khoá X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
- [2] Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Số: 760 /BC-BGDĐT, ngày 29/10/2009.
- [3] Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*, NXB Giáo Dục, Hà Nội, 2002.
- [4] Phạm Tất Dong (chủ biên) *Trí thức Việt Nam, thực tiễn và triển vọng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, Hà Nội, 1995.
- [5] Nguyễn Đắc Hưng, *Phát triển nhân tài chấn hưng đất nước*, Nxb Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, Hà Nội, 2007.
- [6] Thảm Vinh Hoa, Ngô Quốc Diệu (Chủ biên), *Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài kể lớn trăm năm chấn hưng đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 BCH TW Khoá X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng CSVN lần thứ X*, NXB Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [9] *Luật giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
- [10] Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về *đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.